

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 48/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 18 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu:

Họ và tên: Anh **Đặng Minh H**; Sinh năm: 1986

Họ và tên: Chị **Lê Thị N**; Sinh năm: 1986

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Đặng K A**; Sinh ngày: 19/5/2015

Các đương sự đều HKTT: Xóm TL, xã NH, huyện NT, tỉnh ND.

Hiện đều tạm trú tại: Căn 16 Sky, khu đô thị E, huyện VG, tỉnh HY

Người đại diện cho cháu **Đặng K A**: Chị **Lê Thị N**

(Mẹ đẻ cháu **Đặng K A**)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[Về quan hệ hôn nhân]:

Anh Đặng Minh H và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện NT, tỉnh ND ngày 23/02/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống, anh chị khó khăn về kinh tế, vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn nhỏ.

Từ cuối năm 2019, anh chị mua một căn chung cư tại khu đô thị E ở, từ đó mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh nhiều và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong mọi mặt cuộc sống.

Từ khoảng 1 năm trở lại đây, anh chị ở cùng nhà nhưng không sinh hoạt chung, không nói chuyện với nhau.

Đến nay, anh H và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Minh H và chị Lê Thị N.

[Về con chung]: Anh Đặng Minh H và chị Lê Thị N cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đặng K A sinh ngày 19/5/2015.

Nay ly hôn, anh H và chị N cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng K A đến khi cháu Đặng K A thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Đặng Minh H có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho chị Lê Thị N số tiền 3.000.000đ/ 1 tháng (Ba triệu đồng).

Thời gian và phương thức cấp dưỡng: Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 8/2022 đến khi cháu Đặng K A thành niên.

Đây là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp]: Anh Đặng Minh H và chị Lê Thị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên sẽ không đặt ra xem xét, giải quyết.

[Về lệ phí]: Anh Đặng Minh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đặng Minh H và chị Lê Thị N đều thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Đặng Minh H và chị Lê Thị N cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đặng K A sinh ngày 19/5/2015.

Anh H và chị N cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng K A đến khi cháu Đặng K A thành niên.

Anh Đặng Minh H có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho chị Lê Thị N số tiền 3.000.000đ/ 1 tháng (Ba triệu đồng).

Thời gian và phương thức cấp dưỡng: Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 8/2022 đến khi cháu Đặng K A thành niên.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền cấp dưỡng, nếu bên pH thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung và nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức:** Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đặng Minh H tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010696 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, anh H đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang;
- UBND xã NH, huyện NT, tỉnh ND;
(ĐKKH số 29 ngày 23/02/2014)
- THADS huyện Văn Giang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy